

**CÔNG TY CỔ PHẦN HPC QUANG CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HPC QUANG CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: HPC QUANG CHAU., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400921915

**3. Ngày thành lập:** 08/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4 tòa nhà TNL plaza, số 8 Nguyễn Văn Cừ, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0968901012

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Thu gom, xử lý, tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại.                                                        | 3830     |
| 2.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                             | 3900     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                        | 4311     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                             | 4312     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                         | 4321     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                | 4329     |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                | 4330     |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư                           | 4390     |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình.                                                              | 7410     |
| 10. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                              | 8292     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh | 8299     |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                | 4933     |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                   | 5210     |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                  | 2592     |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                       | 3320     |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                        | 4620     |

|     |                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                | 4663        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                        | 4659        |
| 19. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                         | 3811        |
| 20. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                               | 3812        |
| 21. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                               | 3821        |
| 22. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                     | 3822        |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng nhà văn phòng | 6810(Chính) |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Không bao gồm đấu giá tài sản                                           | 6820        |
| 25. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                       | 1709        |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                      | 4669        |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                      | 4101        |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                | 4102        |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                          | 4211        |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                           | 4212        |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                    | 4222        |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                               | 4221        |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                      | 4229        |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                             | 4299        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐẦU<br>TƯ VÀ PHÁT<br>TRIỂN HẠ<br>TÀNG PHÚ<br>HÙNG PHÁT | Lô 43 đường<br>Thân Công Tài,<br>Phường Lê Lợi,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 126.000       | 12.600.000.000           | 25,200       | 2400887171                                                                                                             |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Tổng số                            | 126.000       | 12.600.000.000           | 25,200       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN TẬP<br>ĐOÀN CK4                                        | Xóm 3 Cổ Điện,<br>Xã Hải Bôi,<br>Huyện Đông Anh,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 121.500       | 12.150.000.000           | 24,300       | 0101855280                                                                                                             |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        | Tổng số                            | 121.500       | 12.150.000.000           | 24,300       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                           |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                                                |                                                                                           |                           |         |                |        |            |  |
|---|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|----------------|--------|------------|--|
| 3 | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG HJC | Số 79, phố Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 202.500 | 20.250.000.000 | 40,500 | 0101430721 |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Tổng số                   | 202.500 | 20.250.000.000 | 40,500 |            |  |
|   |                                                |                                                                                           |                           |         |                |        |            |  |
| 4 | BÙI NAM LONG                                   | Số 18 đường Quách Nhân 2, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 5.000.000.000  | 10,000 | 122191998  |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0              | 0,000  |            |  |
|   |                                                |                                                                                           | Tổng số                   | 50.000  | 5.000.000.000  | 10,000 |            |  |
|   |                                                |                                                                                           |                           |         |                |        |            |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 08/12/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001069039588

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 41-C4 Khu tập thể Nam Đồng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 79 Phố Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang